

Kế toán trưởng chỉ được hưởng mức phụ cấp chức vụ kể từ ngày cơ quan quản lý cán bộ ra quyết định cho hưởng, không đặt vấn đề truy lĩnh (quy định tại thông tư liên bộ Lao động - Tài chính số 9-TT/LB ngày 27-7-1973.)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề đảm bảo thi hành chế độ phụ cấp chức vụ cho kế toán trưởng được thông suốt và thống nhất trong ngành, giải quyết đúng đắn quyền lợi cho anh chị em kế toán trưởng theo chế độ Nhà nước đã quy định, Bộ yêu cầu các Cục, Tổng công ty và các Sở, Ty thương nghiệp làm tốt mấy việc sau đây :

1. Nghiên cứu kỹ thông tư liên bộ và thông tư này để quán triệt tinh thần, nội dung chính sách; đồng thời có kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện tốt trong đơn vị, địa phương mình.

2. Tiến hành việc phân loại, xếp hạng các đơn vị kinh doanh, sản xuất, để có cơ sở áp dụng đúng mức phụ cấp chức vụ kế toán trưởng.

3. Từng đơn vị Tổng công ty, Cục, Sở, Ty Thương nghiệp cần làm ngay việc sắp xếp, dự kiến bổ nhiệm kế toán trưởng cho các đơn vị trực thuộc, dự kiến xếp lại bậc lương theo thang lương nhân viên, cán sự, chuyên viên (đối với những người đang hưởng mức lương chức vụ cán bộ lãnh đạo) và mức phụ cấp chức vụ cụ thể, đề nghị cấp có thẩm quyền xét duyệt và ra quyết định. Nếu trước đây, đơn vị hoặc địa phương nào đã làm rồi, nhưng chưa đúng tinh thần thông tư này thì cần phải làm lại cho đúng.

Chế độ phụ cấp chức vụ kế toán trưởng còn mới mẻ, việc thi hành sẽ có nhiều phức tạp. Vì vậy, Bộ lưu ý các đồng chí thủ trưởng các đơn vị trong ngành phải chỉ đạo thực hiện chặt chẽ. Các bộ môn giúp việc thủ trưởng như : tổ chức cán bộ, lao động tiền lương và kế toán thống kê tài chính phải có sự phối hợp bàn bạc và phân công cụ thể trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình thi hành, nếu gặp khó khăn trở ngại gì, các đơn vị cần phản ánh kịp thời, và sau khi hoàn thành, cần báo cáo kết quả về Bộ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những văn bản trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 5 tháng 4 năm 1975

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội thương

Thủ trưởng

TRẦN VĂN HIỂN

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH số 184-BYT/QĐ ngày 6-5-1975 ban hành bản quy chế làm nghề chữa bệnh bằng phương pháp đông y.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Đề đảm bảo chất lượng trong việc phòng bệnh, chữa bệnh theo phương pháp đông y và tăng cường việc quản lý của Nhà nước đối với mọi hoạt động hành nghề của lương y nhằm củng cố và tiến tới hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay ban hành kèm theo quyết định này bản quy chế làm nghề chữa bệnh bằng phương pháp đông y.

Điều 2. - Bản quy chế làm nghề chữa bệnh bằng phương pháp đông y này có hiệu lực từ khi ban hành, và thay thế quy chế của Bộ Y tế đã ban hành tại công văn số 8209-BYT/KH ngày 10-12-1959.

Điều 3. - Các thủ trưởng Cục, Vụ, Phòng, Ban thuộc Bộ Y tế và các Sở, Ty y tế có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 6 tháng 5 năm 1975

Quyền Bộ trưởng Bộ Y tế

Bác sĩ VŨ VĂN CẦN

QUY CHẾ

về hành nghề chữa bệnh bằng phương pháp đông y.

I. VỀ CHUYÊN MÔN

Điều 1. — Các lương y được phép đăng ký để chữa bệnh bằng đông y như :

- Xem mạch kê đơn,
- Chữa bệnh bằng các phương thuốc gia truyền, nắn bó gãy xương,
- Chữa bệnh bằng các phương pháp châm cứu, lễ, giác, xoa bóp, bấm huyệt, đốt bấc...

Những người làm các nghề trên, phải có giấy chứng nhận đăng ký hành nghề, phân khoa, phân hạng do cơ quan y tế có trách nhiệm quản lý cấp.

Điều 2. — Các lương y được phép hành nghề phải đặt trách nhiệm bảo vệ sức khỏe và khả năng lao động sản xuất của bệnh nhân lên trên hết.

Điều 3. — Phải hỏi bệnh và chẩn bệnh theo đúng nguyên tắc chẩn đoán của đông y, không được khám qua loa tắc trách.

Điều 4. — Đơn thuốc phải in theo mẫu có ghi rõ tên họ, địa chỉ và số đăng ký của lương y, lời chẩn đoán bệnh, dưới ký tên ; đơn phải viết rõ ràng, chân phương, không được viết tháu, viết tắt. Người kê đơn chịu hoàn toàn trách nhiệm về những đơn thuốc của mình đã kê cho bệnh nhân.

Điều 5. — Phải có sổ khám bệnh hàng ngày, ghi rõ số thứ tự, họ và tên bệnh nhân, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, bệnh trạng, phương thuốc và liều lượng những vị thuốc độc thuộc bảng A, B đã kê đơn cho từng bệnh nhân. Trường hợp có tử vong thì sau 48 giờ người chữa bệnh phải làm kiểm thảo tử vong, tổng kết những nhận định chẩn đoán và các phương pháp đã áp dụng, phân tích tìm ra nguyên nhân tử vong. Nếu lương y là người chữa bệnh trong tập thể đông y thì phải có sự tham gia trong tập thể. Nếu là lương y chữa riêng lẻ thì đề báo cáo cho cơ quan y tế quản lý khi được hỏi đến.

Điều 6. — Người được đăng ký chữa bệnh lúc đi vắng được cử người có giấy phép đăng ký

chữa bệnh cùng khoa, cùng phương pháp thay thế chăm sóc những bệnh nhân đang chữa dở dang.

Điều 7. — Tất cả những người làm nghề đông y chỉ xem mạch kê đơn, chữa bệnh bằng phương pháp đã đăng ký (lúc xin đăng ký phải khai rõ chữa về môn gì, phương pháp gì) không được làm vượt quá quy định ghi trong giấy phép đăng ký hành nghề, phân khoa, phân hạng.

Điều 8. — Những người được phép làm nghề xem mạch kê đơn không được bán thuốc cho bệnh nhân và tích trữ những loại thuốc thuộc diện Nhà nước quản lý. (Trường hợp là người chữa bệnh bằng phương pháp gia truyền đã có đăng ký bài thuốc thì được bốc thuốc hoặc sản xuất theo cao đơn hoàn tán, sẽ nói kỹ ở điều 16).

Điều 9. — Mọi người làm công tác xem mạch kê đơn, bào chế thuốc, bốc thuốc, chữa bệnh bằng các phương thuốc gia truyền, bằng các phương pháp châm cứu, lễ, giác, xoa bóp, bấm huyệt, đốt bấc, nắn bó gãy xương trong tập thể chẩn trị đều phải có giấy phép làm nghề.

Tập thể chẩn trị phải có nội quy, có người phụ trách và phải báo cáo danh sách cho cơ quan y tế địa phương biết.

Điều 10. — Tờ chức phòng chẩn trị, phải được chính quyền và y tế từ cấp huyện trở lên cho phép, cơ sở chữa bệnh đó phải được cơ quan kiến trúc công nhận đủ điều kiện an toàn, cơ quan y tế công nhận những nơi khám bệnh, chữa bệnh, bào chế, bốc thuốc đủ điều kiện vệ sinh chỗ phòng đợi cần có ống nhỏ, thùng rác. Ngoài ra phải bố trí sắp xếp để có nhà xí, bệnh nhân đến chờ khám, khi cần có thể đi đại tiện, tiểu tiện được và có bảng hướng dẫn để bệnh nhân dễ tìm.

Điều 11. — Mọi người làm nghề chữa bệnh đều phải được chứng nhận có đầy đủ sức khỏe (không bị mù, điếc, lẩn do tuổi già) bị bệnh lây (lao, hủi, hoa liễu) đương tiến triển, tinh thần phân lập.

Điều 12. — Người đã làm nghề chữa bệnh lâu năm (trước Cách mạng tháng Tám) có nhiều kinh nghiệm, được nhân dân tín nhiệm mà bị một trong hai chứng điếc hay mù hiện nay lại có con hoặc cháu cũng là lương y, được phép

cùng làm nghề đó, cùng đứng tên đăng ký chịu trách nhiệm chung thì được phép tiếp tục làm nghề; nếu tổ chức tập thể yêu cầu kết nạp với tư cách cố vấn chuyên môn thì cũng được phép làm nghề.

Điều 13. — Cá nhân hoặc tổ chức chân trị tập thể đã được phép đăng ký làm nghề đông y đều phải thi hành đúng các thể lệ hiện hành.

II. VỀ QUYỀN LỢI

Điều 14. — Tất cả những cá nhân hoặc tập thể chữa bệnh bằng phương pháp đông y đã được đăng ký thì đều được hưởng các khoản thù lao như sau:

— Xem mạch, kê đơn thuốc, châm cứu, giác, lễ, xoa bóp, bấm huyệt, đốt bấc, nắn bó gãy xương mỗi lần được hưởng từ: 0,30đ đến 0,50đ.

— Trong khi làm các thủ thuật chữa bệnh, nếu cần phải dùng thuốc tại chỗ thì ngoài tiền thù lao ra, có thể thu thêm tiền thuốc theo giá quy định của Nhà nước, bài thuốc này cũng phải được cơ quan y tế xét duyệt và cho phép.

— Những trường hợp người chữa bệnh phải đi đến nhà bệnh nhân thăm bệnh, thì tùy sự thỏa thuận giữa gia đình bệnh nhân và người chữa bệnh mà thanh toán phí tổn đi lại.

— Việc thù lao cho những người làm nghề chữa bệnh bằng đông y bán chuyên nghiệp thuộc các dân tộc ít người ở các xã, huyện miền núi, nếu xét thấy cần thiết thì Ủy ban hành chính tỉnh và Ty y tế các tỉnh dựa vào quy chế này và căn cứ tình hình thực tế địa phương mà quyết định mức hoặc phương thức thù lao cho thích hợp.

Điều 15. — Cá nhân hoặc tổ chức chân trị tập thể được Sở, Ty, Phòng Y tế hoặc các bệnh viện ủy nhiệm chữa một số bệnh thì cũng được hưởng quyền lợi như đã quy định ở điều 14.

Điều 16. — Những người chữa bệnh bằng các phương thuốc gia truyền đã có đăng ký bài thuốc thì được bốc thuốc hoặc sản xuất thành cao

đơn hoàn tán để chữa cho bệnh nhân già và phải theo sự hướng dẫn của Nhà nước, tuyệt đối không được bán ra thị trường. Khi sản xuất các thuốc này phải chấp hành đúng các quy định, các quy chế về dược của Bộ Y tế.

Điều 17. — Người làm nghề đông y được phép đăng ký ở nơi mình thường trú, nếu định hành nghề tạm thời ngoài nơi thường trú thì phải được chính quyền địa phương nơi định đến làm nghề cho phép; khi có bệnh nhân mời đi xa phải đem giấy đăng ký theo; khi dời chỗ ở sang tỉnh khác phải xin đổi đăng ký.

Điều 18. — Tất cả những người làm nghề chữa bệnh bằng đông y phải khai rõ địa điểm và trình giấy phép được làm nghề cho chính quyền và cơ quan y tế địa phương.

Điều 19. — Tất cả những người chuyên làm nghề chữa bệnh bằng đông y đều phải có biển đề: tên lương y, địa điểm, chuyên chữa những bệnh gì và phương pháp đã đăng ký.

III. QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN Y TẾ NHÀ NƯỚC

Điều 20. — Cá nhân và các tổ chức làm nghề tập thể đông y được coi là lực lượng và cơ sở của ngành y tế, các cơ quan y tế địa phương có trách nhiệm giúp đỡ điều kiện hoạt động, bồi dưỡng chuyên môn, hướng dẫn hoạt động theo đúng những quy chế hành nghề và phương châm nguyên tắc của ngành y tế và tổ chức học tập khi cần thiết.

Điều 21. — Các cá nhân, các tổ chức làm nghề tập thể đông y chịu sự quản lý về mọi mặt của chính quyền và cơ quan y tế địa phương.

Điều 22. — Tham gia các công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch, chống dịch theo quy định và sự phân công của cơ quan y tế địa phương.

Điều 23. — Cá nhân và cơ sở chân trị tập thể phải báo cáo với cơ quan y tế địa phương về hoạt động của mình theo từng thời gian quy định.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. - Quy chế này thay thế quy chế do Bộ đã ban hành trước đây đối với những người làm nghề chữa bệnh bằng đông y.

Điều 25. - Mọi cá nhân, tổ chức làm nghề chữa bệnh bằng đông y có trách nhiệm tuân theo quy chế này. Những người làm trái với quy chế dễ gây thiệt hại về tài sản và tính mệnh của nhân dân, có thể bị thu giấy phép làm nghề có thời hạn hay vĩnh viễn và bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 26. - Trong khi thi hành quy chế này cơ quan quản lý y tế các cấp cần có sự trao đổi ý kiến và rút kinh nghiệm với các cơ quan hội đồng y cùng cấp, nhằm bảo đảm người làm nghề đông y, vừa mở rộng nâng cao khả năng phục vụ vừa đi vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa một cách vững chắc.

(Ban hành kèm theo quyết định số 184-BYT/QĐ ngày 6-5-1975 của Bộ Y (T))

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH số 62-VGNN/NS ngày 28-5-1975 về việc điều chỉnh giá mua đay các loại.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định số 14-CP ngày 13-1-1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Vật giá Nhà nước:

Căn cứ vào chỉ thị số 177-TTg ngày 12-5-1975 của Thủ tướng Chính phủ về công tác giá cả năm 1975:

Sau khi thỏa thuận với các ngành có liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam đay các loại như sau: (xem bảng dưới)

Điều 2. - Quy cách phẩm chất đay các loại được quy định trong bản phụ lục kèm theo.

Điều 3. - Giá mua quy định ở điều 1 là giá mua tại các cửa hàng, trạm, tổ thu mua của mặt dịch quốc doanh.

Điều 4. - Quyết định này thi hành kể từ vụ thu mua đay năm 1975.

Hà-nội, ngày 28 tháng 5 năm 1975

Quyền Chủ nhiệm
Ủy ban Vật giá Nhà nước
TÔ DUY

Tên địa phương	Loại	Đay xanh bẹ	Đay cách bẹ
1. Các tỉnh nói chung (trừ Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình và khu vực Vĩnh-linh)	I	0,82đ	0,50đ
	II	0,72đ	0,42đ
	III	0,55đ	0,30đ
2. Các tỉnh: Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình và khu vực Vĩnh-linh	I	0,87đ	0,55đ
	II	0,77đ	0,47đ
	III	0,60đ	0,35đ
3. Áp dụng chung cho tất cả các tỉnh		Đay xanh ngâm	Đay cách ngâm
	I	1,20đ	0,79đ
	II	1,05đ	0,72đ
	III	0,85đ	0,61đ
	IV	0,65đ	0,46đ